

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/DS-ST

Ngày: 31-12-2024

V/v “*Tranh chấp về thừa
kế tài sản; yêu cầu hủy hợp
đồng tặng cho quyền sử
dụng đất; yêu cầu tuyên bố
văn bản công chứng vô hiệu*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lộc

Ông Đào Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2020/TLST-DS ngày 21/10/2020, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản; yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-DS ngày 10/10/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951. Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Luật sư Hồ Thị N1 - Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh B. Địa chỉ: Số C T, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1947. Địa chỉ: Khu phố B, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (có mặt)

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1985 (vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

6. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khu phố A, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

7. Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1963 (vắng mặt)

8. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988 (có mặt)

9. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1990 (có mặt)

10. Anh Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1987 (có mặt)

11. Chị Nguyễn Thị Bích H3, sinh năm 1995 (vắng mặt)

12. Anh Nguyễn Ngọc H4, sinh năm 1998. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

13. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

14. Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu phố B, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Nguyên trước đây, cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1914, chết năm 1992), bà Nguyễn Thị B1 (sinh năm 1921, chết năm 1967), có tạo lập 1 thửa đất có diện tích là 1.261m², gồm các thửa như sau: Thửa số 14, diện tích: 525,7m², thửa số 21, diện tích: 273m², thửa số 236, diện tích: 157,7m², thửa số 240, diện tích: 156,7m², thửa số 241, diện tích: 147,9m².

- Đối với thửa đất số 14, diện tích 525,7m², trên 1 nửa đất có 1 căn nhà cấp 4 (là nhà tự dùng để thờ cúng ông bà, cha mẹ), tọa lạc tại khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình sống chung, cha mẹ bà sinh được 09 người con gồm: Nguyễn Văn H5 (chết, không có vợ con), Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn B2 (chết, không có vợ con), Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B3 (đã chết), Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn C (đã chết), Nguyễn Thị M.

Năm 1967, mẹ bà chết và năm 1992 cha bà chết, cả cha và mẹ bà khi chết đều không để lại di chúc. Năm 2011, ông Nguyễn Văn S có nói với bà là chị không có chồng con (chồng bà chết sớm, bà không có con), nên nhà tự trên thửa đất số 14, diện tích 243m² để lại cho chị quản lý, thờ cúng ông bà cha mẹ. Phần đất còn lại thì chia cho các em, các cháu để ở, bà tin lời ông S nên đồng ý.

Ngày 14/9/2011, tất cả những người thừa kế đến phòng công chứng ký tên

vào văn bản phân chia tài sản thừa kế, cụ thể:

1. Giao cho ông Nguyễn Văn S (con), diện tích 263,7m², theo bản đồ địa chính phường P, thuộc thửa số 21, diện tích 273,0m²
2. Giao cho ông Nguyễn Ngọc H (cháu), diện tích 158,82m², theo bản đồ địa chính phường P, thuộc thửa số 14, diện tích 282,7m² (trên 01 phần đất của nhà tự)
3. Giao cho bà Nguyễn Thị V (cháu), diện tích 158,82m², theo bản đồ địa chính phường P, thuộc thửa số 240, diện tích 156,7m²
4. Giao cho bà Nguyễn Thị T1 (con), diện tích 146,24m², theo bản đồ địa chính phường P, thuộc thửa số 241, diện tích 147,9m²
5. Giao cho bà Nguyễn Thị M (con), diện tích 152,78m², theo bản đồ địa chính phường P, thuộc thửa số 236, diện tích 157,7m²

Tuy nhiên, sau khi phân chia bà nghe ông Nguyễn Văn S đòi bán diện tích đất có nhà tự, bà ngăn chặn và nhờ người đọc lại văn bản thỏa thuận, lúc này bà mới biết ông S có âm mưu chiếm đoạt thửa đất tự này nên không đưa bà nhận diện tích đất này vào trong Văn bản thỏa thuận ngày 14/9/2011. Do đó, bà gửi đơn đến UBND phường P yêu cầu giải quyết, kết quả ông S đồng ý cho bà toàn quyền sử dụng phần đất này và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà để làm thủ tục. Nhưng sau đó ông S thay đổi, không đồng ý như đã thỏa thuận tại phường.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 14/9/2011, công chứng tại Phòng C1, tỉnh Bình Thuận theo số công chứng 682, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu. Trong văn bản này, các chị, em trong gia đình thỏa thuận nhiều thửa đất nhưng bà chỉ tranh chấp phần đất mà hiện nay ông Nguyễn Đăng K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thửa đất khác đã phân chia cho cháu Nguyễn Ngọc H, cháu Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị M thì bà không tranh chấp; yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 139290 cấp ngày 16/4/2015 đứng tên ông Nguyễn Văn S; hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn S với ông Nguyễn Đăng K; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 972295, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 24/7/2019 đứng tên ông Nguyễn Đăng K; Buộc ông Nguyễn Văn S phải tháo gỡ quán và giao trả lại diện tích 243m² đất, thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 243m² đất thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Bà yêu cầu được nhận diện tích đất này để xây dựng nhà tự, thờ cúng ông bà, cha mẹ. Đối với những người đã được chia đất vào năm 2011 của cha mẹ thì không được chia nữa.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N, vì phần đất này trước đây bà N đã cho ông và ông đã tặng cho con trai là anh Nguyễn Đăng K. Trên phần đất

này, có căn nhà ông xây dựng năm 2005. Đồng thời, đất tranh chấp đã được phân chia tại Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 14/9/2011, công chứng tại Phòng C1 tỉnh Bình Thuận. Nay bà N yêu cầu được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với con ông thì ông không đồng ý, trường hợp bà N không tin tưởng thì anh K sẽ viết bản cam kết dùng đất để ở và không chuyển nhượng để bà N yên tâm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ *Anh Nguyễn Đăng K trình bày:* Thừa đất số 148, tờ bản đồ số 38 tại khu phố B, phường P, thành phố P là do cha anh ông Nguyễn Văn S tặng cho anh với diện tích 243m² và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh theo đúng quy định pháp luật. Do đó, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ *Bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà thống nhất với thông tin về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn T2. Trong gia đình ai cũng được chia đất do cha mẹ để lại, chỉ có bà N là chưa được chia phần đất nào. Do đó, đối với diện tích đất bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì bà không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa án xác định diện tích đất 243m² thuộc thừa số 14 là di sản thừa kế thì bà không yêu cầu được chia đối với phần đất này. Vì bà cũng đã được chia phần trước đó rồi. Việc giải quyết vụ án chỉ liên quan đến ông S, bà N và anh K. Bà không liên quan gì, vì vậy bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, gồm cả các phiên tòa xét xử vụ án.

+ *Bà Nguyễn Thị L trình bày:* bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trường hợp Tòa án xác định diện tích đất 243m² thuộc thừa số 14 là di sản thừa kế thì bà không yêu cầu được chia đối với phần đất này. Vì gia đình bà cũng đã được chia phần trước đó rồi.

+ *Chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không tham gia và không có ý kiến gửi cho Tòa án.*

+ *Bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Bản thân bà cũng như các anh, chị em khác đều được chia phần đất mà cha mẹ để lại, riêng bà N thì chưa được chia. Nay bà N khởi kiện đối với diện tích 243m² thì bà không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa án xác định diện tích đất 243m² thuộc thừa số 14 là di sản thừa kế thì bà không yêu cầu được chia đối với phần đất này. Vì bà cũng đã được chia phần trước đó rồi, nên bà không liên quan gì trong vụ án.

+ *Bà Huỳnh Thị R trình bày:* bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trường hợp Tòa án xác định diện tích đất 243m² thuộc thừa số 14 là di sản thừa kế thì bà không yêu cầu được chia đối với phần đất này. Vì gia đình bà cũng đã được chia phần trước đó rồi.

+ Anh Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Ngọc H2, anh Nguyễn Ngọc H4 cùng thống nhất trình bày tại phiên tòa là: không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì trong vụ án.

+ Bà Nguyễn Thị M trình bày: bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Trường hợp Tòa án xác định diện tích đất 243m² thuộc thửa số 14 là di sản thừa kế thì bà không yêu cầu được chia đối với phần đất này. Vì gia đình bà cũng đã được chia phần trước đó rồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Do thoả thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của bà N, ông S và anh K: Bà N và anh K được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu huỷ giấy chứng nhận của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Đơn khởi kiện và Đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn yêu cầu tuyên Vãn bản phân chia tài sản thừa kế vô hiệu; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 139290 cấp ngày 16/4/2015 đứng tên bị đơn; huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bị đơn với anh Nguyễn Đăng K; huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 972295, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/7/2019 đứng tên anh Nguyễn Đăng K; yêu cầu chia thừa kế cho nguyên đơn diện tích 243m², buộc bị đơn phải tháo dỡ tài sản và giao trả lại diện tích 243m², thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự và nhà, đất tranh chấp đều ở tại tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định lại là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản; yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; yêu cầu tuyên bố vãn bản công chứng vô hiệu*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 26, Điều 34, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn D, bà Huỳnh Thị R, chị Nguyễn Thị Bích H3 nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các đương sự khác vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt những đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày thống nhất: Cụ Nguyễn Văn T2 (chết năm 1992) và cụ Nguyễn Thị B1 (chết năm 1967) sinh được 09 người con gồm: Ông Nguyễn Văn H5 (chết, không có vợ con), bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn B2 (chết, không có vợ con), bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B3 (đã chết), bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn C (đã chết), bà Nguyễn Thị M. Quá trình chung sống 2 cụ có tạo lập một thửa đất có diện tích đất 1.261m², theo Bản đồ địa chính phường P, gồm: Thửa số 14, diện tích: 525,7m²; thửa số 21, diện tích: 273m²; thửa số 236, diện tích: 157,7m²; thửa số 240, diện tích: 156,7m²; thửa số 241, diện tích: 147,9m². Khi hai cụ còn sống, một số người con đã được hai cụ chia đất. Sau khi hai cụ chết, các anh chị em và các cháu đã lập văn bản phân chia tài sản thừa kế, được công chứng vào ngày 14/9/2011. Khi hai cụ còn sống, bà N chưa được chia đất, tại văn bản phân chia di sản, bà N cũng không được chia. Ông S được chia thửa đất có diện tích 263,7m² (diện tích đo đạc thực tế 243m²), sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Sáu T3 cho con trai là anh Nguyễn Đăng K, anh K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N khởi kiện, yêu cầu giao cho bà thửa đất này để bà sử dụng vào việc thờ cúng.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà N, ông S, anh K thống nhất thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2024, cụ thể là: Bà N và anh K cùng được quyền sử dụng đối với diện tích 243m², thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 972295, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 24/7/2019 đứng tên anh Nguyễn Đăng K theo Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Công ty TNHH T4 lập ngày 14/5/2020.

[5] Tại buổi hoà giải vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Toà án thông báo kết quả hoà giải thành cho các đương sự được biết nhưng trong đó có anh Nguyễn Ngọc H2 là con của ông Nguyễn Văn C (đã chết) không đồng ý với kết quả hoà giải thành và đề nghị được chia phần đối với tài sản thừa kế là diện tích đất 243m², thuộc thửa đất số 14 nêu trên nên không đồng ý nhận thông báo kết quả hoà giải thành. Vì vậy, Toà án đưa vụ án ra xét xử.

[6] Tại phiên tòa, bà N, ông S và anh K cùng thỏa thuận như ý kiến tại buổi hoà giải ngày 16/8/2024, cụ thể là: Bà N và anh K cùng được quyền sử dụng diện tích đất 243m², thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận và được sở hữu căn nhà trên đất.

[7] Các hàng thừa kế gồm bà B, bà L, bà T1, bà R, anh H, anh H1, bà M đều thống nhất để bà N và anh K cùng được quyền sử dụng diện tích đất này. Anh H2 cũng thống nhất ý kiến của bà N, ông S và anh K. Các con của ông Nguyễn Văn B3 (đã chết) gồm chị T, chị V, anh D không tham gia tố tụng và không có ý kiến về vụ án. Trên thửa đất còn có một phần kiềng nhà do anh H1 xây, tại phiên tòa,

không có đương sự nào yêu cầu giải quyết phần kiêng nhà này nên Hội đồng không xem xét. Sau này, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[8] Xét thấy: Việc thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, chị T, chị V, anh D (là con của ông B3) không tham gia tố tụng và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận nêu trên không ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T, chị V, anh D, mặt khác tại văn bản phân chia di sản thừa kế, chị V cũng đã được chia thừa đất có diện tích 158,82m². Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bà N, ông S và anh K.

[9] Về chi phí tố tụng: Bà N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Bà N đã nộp đủ.

[10] Về án phí: Bà N, ông S, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà N, ông S là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3, khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, 157, Điều 246, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Đăng K:

Bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đăng K cùng được quyền sử dụng đối với diện tích 243m² đất, thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 972295, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 24/7/2019 đứng tên anh Nguyễn Đăng K (trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Công ty TNHH T4 lập ngày 14/5/2020) và cùng sở hữu căn nhà trên đất.

Bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đăng K có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng: Bà N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Bà N đã nộp đủ.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S. Anh Nguyễn Đăng K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- Cục THADS tỉnh B.Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân